

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2020/DS-ST
Ngày 17 - 7 - 2020
“Về tranh chấp HĐ vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nhị.
Ông Nguyễn Hồng Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/2020/TLST-DS, ngày 04 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Dương Văn T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện T, tỉnh Long An. (có mặt)

Bị đơn: Ông Phạm Văn A, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện T, tỉnh Long An. (có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 5 năm 2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Dương Văn T trình bày: Ngày 01-9-2019, ông T cho ông A và bà B vay số tiền là 34.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, bên vay phải trả lãi theo lãi suất cầm đồ, không nói mức lãi cụ thể. Do đã hết hạn vay ông A và bà B không trả tiền gốc, tiền lãi nên ông T khởi kiện yêu cầu bên ông A trả tiền gốc vay và 2.000.000 đồng tiền lãi. Tại phiên tòa ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông T yêu cầu ông A và bà B trả số tiền gốc vay là 34.000.000 đồng, không yêu cầu ông A và bà B trả tiền lãi vay.

Tại Tờ tự khai ghi ngày 26 tháng 6 năm 2020 và tại phiên tòa, bị đơn là ông Phạm Văn A trình bày: Ngày 01-9-2019, ông A và bà B có vay của ông T số tiền là 34.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, tiền lãi phải trả là 2.000.000 đồng/tháng, ông A có ký giấy mượn tiền và cam kết trả nợ. Sau khi vay tiền bên vay có trả 01 tháng tiền lãi là 2.000.000 đồng. Ông A đồng ý trả cho ông T số

tiền gốc vay là 34.000.000 đồng và đề nghị cho trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại Tờ tự khai ghi ngày 19 tháng 6 năm 2020, bà Lê Thị Ngọc B trình bày: Ngày 01-9-2019, vợ chồng bà B ông A có vay của ông T số tiền là 34.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi phải trả cho ông T là 2.000.000 đồng/tháng, ông A có ký giấy mượn tiền. Bà B có trả lãi 01 tháng tiền lãi cho ông T là 2.000.000 đồng nhưng không có làm giấy tờ. Do làm ăn thất bại nên khi đến hạn không trả được tiền vay cho ông T. Nay bà B đồng ý trả ông T tiền gốc vay là 34.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01-9-2019 đến ngày xét xử, bà B xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng.

Tại phiên tòa các đương sự không thỏa thuận được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện, ông Dương Văn T yêu cầu ông Phạm Văn A thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay, do đó quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp là hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Bà B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa và không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bà B.

[2] Về yêu cầu trả tiền của nguyên đơn: Theo tài liệu do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của các đương sự xác định vào ngày 01-9-2019, ông A và bà B có vay của ông T số tiền là 34.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, giấy mượn tiền và cam kết trả nợ do ông A ký. Do làm ăn bị thất bại nên khi đến hạn ông A và bà B không trả được tiền vay cho ông T làm phát sinh tranh chấp. Việc ông A và bà B không trả tiền đúng hạn là vi phạm về nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự, do đó ông T khởi kiện yêu cầu trả nợ là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Theo đơn khởi kiện ông T chỉ yêu cầu ông A trả tiền vay nhưng trong quá trình tố tụng bà B là vợ ông A thừa nhận số tiền ông T yêu cầu ông A trả là do vợ chồng bà B vay của ông T, do đó việc ông T yêu cầu bà B phải cùng ông A trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu của ông T, buộc bà B phải liên đới cùng ông A trả tiền cho ông T.

[4] Về lãi, khi vay các bên có thỏa thuận trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất, ông T cho rằng bên vay phải trả lãi theo mức lãi suất cầm đồ, còn bên ông A và bà B khai lãi suất thỏa thuận là 2.000.000 đồng/tháng và có trả 01 tháng tiền lãi là 2.000.000 đồng cho ông T nhưng không có tài liệu chứng minh. Tại phiên tòa ông T rút yêu cầu bên ông A, bà B trả tiền lãi, do đó căn cứ điểm c

khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu trả lãi của ông T. Ông T có quyền khởi kiện lại theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về việc đề nghị cho trả nợ dân: Ông A và bà B đề nghị ông T cho trả dần mỗi tháng 500.000 đồng nhưng ông T không đồng ý, do pháp luật không có quy định nào khác vì vậy không có căn cứ để cho ông A và bà B được trả nợ dần.

[6] Hợp đồng vay giữa ông T với ông A và bà B không thỏa thuận về việc trả lãi khi chậm thực hiện nghĩa vụ, do đó kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (ông A, bà B) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông A và bà B phải liên đới chịu toàn bộ tiền án phí là 1.700.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng các điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T đối với ông Phạm Văn A và bà Lê Thị Ngọc B về hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Phạm Văn A và bà Lê Thị Ngọc B phải liên đới trả cho ông Dương Văn T số tiền vay là 34.000.000 (Ba mươi bốn triệu) đồng.

2- Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Dương Văn T về việc yêu cầu ông Phạm Văn A và bà Lê Thị Ngọc B liên đới trả cho ông T 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền lãi. Ông Dương Văn T được quyền khởi kiện lại bằng vụ án khác đối với nội dung đã đình chỉ giải quyết theo quy định của pháp luật.

3- Từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (ông A, bà B) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4- Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Phạm Văn A và bà Lê Thị Ngọc B phải liên đới chịu 1.700.000 (Một triệu bảy trăm ngàn) đồng.

Ông Dương Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông T 900.000 (Chín trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 04-6-2020 theo biên lai thu số 0007154 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

5- Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17-7-2020). Bà Lê Thị Ngọc B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày án được tổng đạt hợp lệ.

6- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Tiến